

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Ước 9 tháng năm 2017

ĐVT: Tỷ đồng

	Kế hoạch năm 2017	9 tháng 2016	Ước 9 tháng 2017	Ước 9 tháng năm 2017 so (%)	
				Kế hoạch	Cùng kỳ
A	1		3	4	5
Giá trị sản xuất công nghiệp (Theo giá so sánh 2010)	32,500	23,016.6	25,496.4	78.45	110.77
Chia theo ngành công nghiệp					
- Khai khoáng		197.8	195.7		98.93
- Công nghiệp chế biến, chế tạo		21,484.7	23,880.7		111.15
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí		1,254.1	1,336.5		106.57
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải		80.1	83.5		104.33
Giá trị sản xuất công nghiệp (Theo giá thực tế)		31,156.4	37,043.1		118.89
Chia theo ngành công nghiệp					
- Khai khoáng		295.8	308.0		104.11
- Công nghiệp chế biến, chế tạo		29,329.2	35,054.5		119.52
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí		1,374.2	1,506.0		109.59
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải		157.2	174.6		111.04